

B GIAO THÔNG V N T I
B GIAO THÔNG V N T I

C NG HđA Xí H I CH NGHAA VI T NAM
ñ c l p - T do - H nh ph³c

B NG ñI M CHI TI T MĐN H C - MĐN KI M TRA

NÑm h c : 2013-2014

L p h c : T t c

H c km : HK01

M»n h c : K t c u c»ng trnh

STT	MÃ SV	H Vĩ TĩN		H S 2						H S 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
1	3651010019	Lê Hoàng	Anh	5.0	9.0	6.0	7.0	6.0		2.0			5.5	5.5			
2	3651010352	Ph m H u	B o	4.0	6.0	7.0	7.0	6.0		3.0			5.3	5.3			
3	3651010027	B ch VÑñ	Có	5.0	6.0	6.0	7.0	7.0		6.0			6.2	6.2			
4	3651010336	Nguy n Thanh	Di m	6.0	5.0	5.0	8.0	6.0		7.0			6.2	6.2			
5	3651010032	ñ ng H i	D ng	6.0	7.0	8.0	8.0	7.0		7.0			7.2	7.2			
6	3651010163	Ph m Tu n	Em	6.0	6.0	8.0	8.0	7.0		5.0			6.5	6.5			
7	3651010326	L ² Tr ng	Giang	5.0	6.0	7.0	7.0	6.0		6.5			6.3	6.3			
8	3651010377	Nguy n B o	Hà	4.0	4.0	6.0	5.0	6.0		9.0			5.9	5.9			
9	3651010015	L ² Ng c	H u	2.0	2.0	2.0	0.0	0.0		0.0			0.9	0.9			
10	3651010315	V ¹ / ₂ VÑñ	Hi n	7.0	8.0	8.0	8.0	6.0		6.0			7.1	7.1			
11	3651010102	D ng Ch'	Hi u	5.0	5.0	6.0	8.0	6.0		6.0			6.0	6.0			
12	3651010052	Tr n VÑñ	Hoàng	6.0	6.0	8.0	6.0	6.0		6.0			6.3	6.3			
13	3651010090	Nguy n Tr n	Huy	5.0	5.0	5.0	7.0	6.0		2.0			4.8	4.8			
14	3651010018	ñ @ VÑñ	Khang	5.0	7.0	5.0	7.0	5.0		4.0			5.4	5.4			
15	3651010023	Tr n Qu c	Khanh	4.0	4.0	7.0	5.0	5.0		8.0			5.7	5.7			
16	3651010045	Tr n ñ c	Liêm	4.0	6.0	6.0	6.0	5.0		6.0			5.5	5.5			
17	3651010148	Nguy n ñ c	Minh	4.0	4.0	3.0	2.0	5.0		0.0			2.8	2.8			
18	3651010366	Nguy n T n	Nam	7.0	7.0	5.0	8.0	6.0		4.0			6.0	6.0			
19	3651010040	Tr n Kuu	Nam	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
20	3651010013	L ² VÑñ	N p	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
21	3651010070	ñ ng ñ nh	Phong	6.0	6.0	8.0	8.0	6.0		6.5			6.7	6.7			
22	3651010001	Ph m Minh	Phú	5.0	5.0	7.0	8.0	6.0		8.0			6.6	6.6			
23	3651010059	Lê Quang	Phúc	5.0	7.0	6.0	7.0	6.0		8.0			6.6	6.6			
24	3551010182	Tr n ñ i	Phúc	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0		6.0			5.2	5.2			
25	3651010385	H Thanh	Quang	8.0	10.0	8.0	7.0	7.0		9.0			8.2	8.2			
26	3651010085	Huunh Minh	Quang	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
27	3651010332	Nguy n H ng	Quân	7.0	7.0	7.0	9.0	6.0		3.0			6.2	6.2			
28	3651010072	Nguy n	Qu c	5.0	6.0	5.0	8.0	6.0		5.5			5.9	5.9			
29	3651010105	Tr nh Ph ³ / ₄	Quý	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0		5.5			6.5	6.5			

STT	MÃ SV	H Vĩ TểN		H S 2						H S 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
30	3651010155	Nguy n Thanh	S n	5.0	7.0	6.0	8.0	6.0		4.0			5.8	5.8			
31	3651010124	Mai T n	Tài	7.0	7.0	7.0	9.0	7.0		6.0			7.1	7.1			
32	3651010043	L ng Nh t	Tân	6.0	9.0	6.0	8.0	6.0		6.0			6.8	6.8			
33	3651010080	H Nh t	Tín	4.0	4.0	7.0	7.0	5.0		5.0			5.3	5.3			
34	3651010100	L² VÑh	Tính	6.0	5.0	7.0	8.0	6.0		5.0			6.1	6.1			
35	3651010038	ñ inh VÑh	Tu n	5.0	8.0	7.0	7.0	6.0		5.5			6.3	6.3			
36	3651010328	H©Qu c	Tu n	7.0	5.0	6.0	5.0	6.0		4.0			5.4	5.4			
37	3651010087	Tr n Minh	Tú	7.0	6.0	5.0	5.0	0.0		4.0			4.5	4.5			
38	3655010382	Nguy n Nh t	Thanh	5.0	6.0	6.0	7.0	6.0		6.0			6.0	6.0			
39	3651010334	ñ ng H©	Thành	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
40	3651010089	H ñ c Minh	Thành	5.0	8.0	5.0	8.0	6.0		6.5			6.4	6.4			
41	3651010016	L² VÑh Tr ng	Th o	6.0	6.0	8.0	9.0	7.0		9.0			7.6	7.6			
42	3651010039	Tr n Ng c	Th ng	5.0	5.0	6.0	4.0	5.0		8.0			5.7	5.7			
43	3651010075	Tr n Anh	Thông	7.0	6.0	6.0	7.0	6.0		4.0			5.8	5.8			
44	3651010338	Nguy n ñ c	Trung	8.0	5.0	5.0	7.0	7.0		4.0			5.8	5.8			
45	3651010136	B¿i Th ng	Uy	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0		7.0			7.2	7.2			
46	3651010144	Tr ng VÑh	Vi t	5.0	5.0	4.0	5.0	5.0		0.0			3.7	3.7			
47	3651010115	L u Th	Vinh	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0		6.0			6.8	6.8			
48	3651010042	Nguy n Tu n	VHO	4.0	4.0	4.0	5.0	5.0		2.0			3.8	3.8			
49	3651010079	T» ñ »ng	Xuân	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			

T ng s : 49 h c sinh - sinh vi²n.

X p lo i	S l ng	T l (%)
ñ t	38	76
Kh»ng ñ t	12	24

Tp.HCM, ng© 17 th"ng 1 nÑn 2014

Tr ng Khoa

Gi"o vi²n b m»n

Gi"o v Khoa